

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI ĐỘNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

• Trần Thị Hồng^(*), Phạm Hải Yến^(**)

Tóm tắt

Bài viết tập trung làm rõ mức độ ảnh hưởng của các yếu tố như phần thưởng; giảng viên hướng dẫn; cơ sở vật chất; hệ thống thông tin, tài liệu và một số yếu tố khác như phong trào nghiên cứu khoa học; định hướng, khuyến khích của giảng viên giảng dạy trên lớp; thành tích học tập tới động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần tạo động lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên của Trường trong thời gian tới.

Từ khóa: Động lực nghiên cứu, nghiên cứu khoa học, sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học (NCKH) được xem là một những hoạt động quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường đại học và cao đẳng. Thông qua việc thực hiện NCKH, sinh viên (SV) có cơ hội được vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn, nhưng đa số SV hiện nay lại chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, nên chưa thực sự hứng thú, say mê, đầu tư đúng mức vào hoạt động này. Tính đến tháng 3/2015, Trường Đại học Khoa học (ĐHKH) - Đại học Thái Nguyên có hơn 4.136 SV hệ chính quy các khóa, trong đó: SV khối ngành Khoa học Tự nhiên (KHTN) chiếm 36%, còn SV khối ngành Khoa học Xã hội (KHXH) chiếm 64%, cùng với công tác đào tạo thì hoạt động NCKH của SV cũng được nhà trường quan tâm thể hiện ở việc có nhiều đề tài NCKH của SV được thực hiện và đạt giải cao trong các cuộc thi “Tài năng khoa học trẻ” Việt Nam và tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế như số lượng sinh viên đăng ký làm NCKH có xu hướng giảm trong những năm trở lại đây; tình trạng SV đăng ký rồi bỏ còn diễn ra; chất lượng đề tài nghiên cứu chưa thật sự cao. Với mong muốn tìm ra yếu tố có ảnh hưởng tới động lực NCKH của SV Trường ĐHKH, từ đó đề xuất

một số khuyến nghị góp phần thúc đẩy hoạt động NCKH của SV trong thời gian tới. Vì vậy, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực nghiên cứu khoa học của SV Trường ĐHKH - Đại học Thái Nguyên”.

2. Nội dung, phương pháp và thời gian nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài nghiên cứu tập trung vào hai nội dung chính sau: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của SV Trường ĐHKH - Đại học Thái Nguyên; Đề xuất một số khuyến nghị góp phần tạo động lực NCKH cho SV Trường ĐHKH trong thời gian tới.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện bài nghiên cứu này, ngoài việc sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, nhóm tác giả còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu thực tiễn sau:

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Bảng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo tiêu chí: SV chưa làm NCKH (50 SV: KHTN là 25 và KHXH là 25); SV đang làm (100 SV: KHTN là 50 và KHXH là 50) và SV đã làm NCKH (50 SV: KHTN là 25 và KHXH là 25).

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Để có được thông tin cụ thể và chi tiết hơn phục vụ mục tiêu nghiên cứu nhóm tác giả đã tiến hành phỏng vấn 10 SV làm NCKH gồm 5 SV KHTN và 5 SV KHXH; 6 SV không làm NCKH (3 SV KHTN và 3 SV KHXH); 2 SV bỏ dở đề tài NCKH và 3 giảng viên hướng dẫn (GVHD) SV làm đề tài

(*) Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

(**) Sinh viên, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

nghiên cứu bằng những câu hỏi mở để thu thập thêm thông tin cho đề tài.

- Phương pháp so sánh: Để tìm hiểu về sự khác biệt khác biệt về nhận thức, động lực NCKH của SV ở hai lĩnh vực tự nhiên và xã hội.

2.3. Thời gian nghiên cứu

Số liệu sử dụng trong bài nghiên cứu được khảo sát trong giai đoạn 2013 - 2015 về hoạt động NCKH của SV Trường ĐHKH.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình NCKH của SV Trường ĐHKH giai đoạn 2013 - 2015

Giai đoạn 2013 - 2015, hoạt động NCKH của SV của Trường ĐHKH được chú trọng. Tuy nhiên, số lượng SV tham gia hoạt động NCKH không nhiều và có sự thay đổi qua các năm. Nếu năm 2013, có 57 SV làm NCKH thì đến năm 2014 số lượng tăng lên 66 SV, năm 2015 là 120 SV. So với tổng số SV toàn trường, số lượng SV đăng ký làm NCKH như trên là ít. Điều này được thể hiện ở bảng biểu sau:

Bảng 1. Số SV làm NCKH trên tổng số SV toàn khóa

Nội dung Năm	Tổng số SV toàn khóa	Tổng số SV làm NCKH
2013	1.173	57
2014	818	66
2015	1.377	120

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế - ĐHKH.

Từ số liệu bảng 1 cho thấy, tỉ lệ SV tham gia NCKH trên tổng số SV toàn khóa rất khiêm tốn. Chẳng hạn: Tổng số SV chính quy năm 2015 của toàn trường là có 1.377 SV nhưng chỉ có 120 SV làm NCKH, chiếm có 8,7%. Số lượng SV không tham gia NCKH là 1.257 SV, chiếm 91,3%. Tương tự năm 2014 toàn trường có 818 SV chính quy, chỉ có 66 SV làm NCKH, chiếm 8,1%. Số SV không tham gia NCKH là 752 SV, chiếm đến 91,9%. Đến năm 2013, tổng số SV chính quy của cả trường là 1.173 SV nhưng số SV làm NCKH chỉ có 57 SV làm NCKH, chiếm 5%, số SV không làm NCKH là 114 SV, chiếm 95%.

Số SV đăng ký làm NCKH ở hai khối ngành cũng có sự khác nhau đáng kể trong giai đoạn

2013 - 2015. SV khối ngành KHTN ở Trường ĐHKH luôn chiếm số lượng ít hơn nhưng số SV làm NCKH lại thường có số lượng lớn hơn. Điều này, được thể hiện ở bảng 2.

Vậy lí do nào thúc đẩy SV khối ngành KHTN tham gia NCKH nhiều hơn SV khối ngành KHXH? Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, SV khối ngành KHTN cho rằng, việc tham gia NCKH giống như một lần thử sức của bản thân trong đời SV và muốn được thể hiện mình, do đó SV khối ngành KHTN đăng ký là NCKH thường nhiều hơn so với SV khối ngành KHXN.

Bảng 2. Số lượng sinh viên khối ngành KHTN và khối ngành KHXH làm NCKH

Nội dung Năm	SV khối ngành KHTN	SV khối ngành KHXH	Tổng số SV làm NCKH
2013	28	29	57
2014	42	24	66
2015	67	53	120

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế - ĐHKH.

Có một thực tế đang diễn ra là SV đăng ký làm NCKH rồi bỏ không làm vẫn còn. Theo kết quả thống kê, số lượng SV bỏ không làm NCKH khi đã đăng ký cụ thể như năm 2013 với 57 SV đăng ký làm NCKH, chỉ có 51 SV hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình (6 SV bỏ không làm); năm 2014 có 66 SV đăng ký làm NCKH không có SV bỏ làm NCKH; năm 2015 có 120 SV đăng ký làm NCKH thì chỉ còn 111 SV hoàn thành đề tài nghiên cứu (có 9 SV bỏ không làm).

Tóm lại, một số bộ phận SV Trường ĐHKH bước đầu đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH trong quá trình học tập và tham gia hoạt động này. Tuy nhiên, số lượng này còn tương đối hạn chế, luôn chiếm một tỉ lệ rất nhỏ, dao động từ hơn 8% mỗi năm trên tổng số SV toàn khóa và hiện tượng SV đã đăng ký bỏ không làm vẫn còn diễn ra.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực NCKH của SV Trường ĐHKH

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 200 SV của Trường ĐHKH về các yếu tố ảnh hưởng tới động lực NCKH. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực NCKH của SV trường ĐHKH

TT	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của SV Trường ĐHKH	Cấp độ ảnh hưởng của các yếu tố				Tổng
		Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Bình thường	Không ảnh hưởng	
1	Phần thưởng	154	11	20	15	200
2	GVHD	152	15	25	8	200
3	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu	133	35	14	18	200
4	Hệ thống thông tin, tài liệu phục vụ nghiên cứu	124	40	26	10	200
Các yếu tố khác						
5	Phòng trào NCKH SV	102	32	36	30	200
	Động viên của giảng viên giảng dạy trên lớp	92	30	53	25	200
	Thành tích học tập	90	44	20	46	200

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát.

3.2.1. Phần thưởng

Qua kết quả khảo sát cho thấy, phần thưởng là yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất trong số các yếu tố được khảo sát, có đến 154/200 SV được hỏi khẳng định đây là yếu tố ảnh hưởng đầu tiên tới động lực làm NCKH của họ. Tỷ lệ lựa chọn yếu tố này trong ba nhóm đối tượng SV được khảo sát cụ thể: Trong 50 SV đã làm NCKH có 41 SV lựa chọn yếu tố này, chiếm 80%. Với 100 SV đang làm NCKH có 79 SV lựa chọn yếu tố này chiếm 79% và với 50 SV chưa làm NCKH có 34 SV lựa chọn yếu tố này chiếm 70%. Tuy nhiên, khi tìm hiểu sâu hơn về cấp độ ảnh hưởng của yếu tố phần thưởng, nhóm tác giả nhận thấy cấp độ ảnh hưởng của yếu tố phần thưởng vật chất và phần thưởng tinh thần cũng có sự khác nhau. Đối với yếu tố phần thưởng vật chất bao gồm: kinh phí hỗ trợ làm NCKH; tiền thưởng cho SV có đề tài đạt giải. Theo kết quả điều tra khảo sát 150 SV đã và đang làm NCKH có tới 120/150 SV được hỏi cho rằng “Kinh phí hỗ trợ NCKH” và “Tiền thưởng cho đề tài đạt giải” là những yếu tố đầu tiên được SV xem xét và cân nhắc khi đăng ký làm NCKH. Hiện nay, SV làm NCKH được Nhà trường hỗ trợ với số tiền là 400.000 đồng (Trong đó: SV là 200.000đ và GVHD: 200.000đ). Để biết được mức độ hài lòng của SV với mức hỗ trợ này, nhóm tác giả tiếp tục khảo sát 150 SV thuộc diện đã và đang làm NCKH và thu được kết quả ở bảng 4.

Bảng 4. Mức độ hài lòng của SV về khoản tiền hỗ trợ kinh phí cho SV làm NCKH

Mức độ hài lòng về khoản tiền hỗ trợ cho NCKH SV	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Tổng số SV
SV đã làm NCKH	25	15	10	50
SV đang làm NCKH	35	35	30	100
Tổng	60	50	40	150

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát.

Qua bảng số liệu có thể thấy, số lượng SV trả lời “không hài lòng” lên tới 40 SV, chiếm 26,6% và 50 SV trả lời hài lòng ở mức độ “bình thường”, chiếm 33,3%. Trong NCKH, phần thưởng vật chất có thể được xem như là phần thưởng đến từ bên ngoài bản thân việc nghiên cứu, là phần thù lao cho kết quả nghiên cứu, yếu tố này có tác dụng duy trì trạng thái tinh thần tốt cho SV. Với tỷ lệ 26,6% SV không hài lòng về kinh phí hỗ trợ cho SV NCKH hiện nay, nhà trường cũng cần phải quan tâm, để tạo động lực tham gia NCKH của SV Trường ĐHKH trong thời gian tới và cần coi đây là yếu tố nền tảng để SV có thêm động lực trong quá trình nghiên cứu.

Về yếu tố phần thưởng tinh thần, gồm: biểu dương, khen thưởng, trao giấy khen, giấy chứng nhận cho những SV có thành tích NCKH cao; cộng từ 0,5 điểm đến 1 điểm cho SV có đề tài NCKH được xếp loại giỏi và xuất sắc vào những môn chuyên ngành. Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 41

SV đã làm NCKH; 72 SV đang làm NCKH trả lời rằng việc được nhận giấy khen, giấy chứng nhận đã tham gia NCKH khiến họ cảm nhận được công sức mà họ bỏ ra được đền đáp xứng đáng, thấy được sự tôn trọng từ phía bạn bè, sự yêu mến, đánh giá cao từ phía các thầy cô. Với câu hỏi “Cộng điểm vào môn chuyên ngành cho SV làm NCKH, có tạo được động lực cho bạn làm NCKH không?”, nhóm tác giả nhận được câu trả lời “có” của 186/200 SV được hỏi, những SV còn lại trả lời “không biết” là những SV chưa làm NCKH. Trong 186 SV cho rằng chính sách cộng điểm vào môn chuyên ngành cho SV làm NCKH là một chính sách có tác động tích cực vào việc tạo động lực làm NCKH SV thì có đến 26 SV chưa từng làm NCKH. Về cơ bản, SV Trường ĐHKH đã một phần cảm thấy hài lòng về yếu tố phần thưởng tinh thần. Phần thưởng tinh thần là yếu tố còn quan trọng hơn cả yếu tố vật chất vì nó góp phần làm tăng tính tự giác của SV, yếu tố kích thích mạnh nhất đến động lực của SV, Trường ĐHKH cần nhận thấy điều này để từ đó ngày càng hoàn thiện các chính sách kích thích bằng tinh thần tới SV làm NCKH.

3.2.2. Giảng viên hướng dẫn

Bảng 5. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố GVHD đến động lực NCKH của SV

Mức độ ảnh hưởng của yếu tố GVHD	Không ảnh hưởng	Bình thường	Ảnh hưởng
SV đã làm NCKH	2	5	43
SV đang làm NCKH	3	6	91
Tổng	5	11	134

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát.

GVHD có vai trò quan trọng trong việc giúp SV lựa chọn đề tài; lập kế hoạch nghiên cứu và công bố những kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học. Đồng thời, GVHD sẽ có sự hỗ trợ các kỹ năng cần thiết, động viên, khuyến khích kịp thời cho SV trong quá trình thực hiện nghiên cứu. Khi có GVHD, SV làm NCKH sẽ giúp cảm thấy tự tin hơn. Với sự kỳ vọng mà GVHD đặt nơi SV cũng khiến SV cảm thấy được trách nhiệm của mình, từ đó cố gắng hết khả năng để hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu của mình. Kết quả điều tra khảo sát cho thấy, GVHD là yếu tố quan trọng thứ hai,

sau yếu tố “phần thưởng”, có tới 91 SV đang làm NCKH và 43 SV đã làm NCKH trả lời “GVHD có ảnh hưởng” tới động lực NCKH của họ, điều đó được thể hiện ở bảng 5.

Nhóm tác giả cũng đã tiến hành phát phiếu điều tra cho 50 SV chưa làm NCKH thuộc khóa 12 và khóa 13, kết quả cho thấy có 33/50 SV chưa tham gia NCKH nhận định rằng yếu tố GVHD là yếu tố vô cùng quan trọng, quyết định đến sự thành công trong nghiên cứu của họ và nếu chọn được GVHD phù hợp họ sẽ làm NCKH. Mức độ hài lòng của SV về GVHD được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 6. Mức độ hài lòng của SV về GVHD trong quá trình làm NCKH

TT	Đối tượng SV được khảo sát	Mức độ hài lòng của SV về GVHD	
		Hài lòng	Không hài lòng
1	SV đã làm NCKH	32	18
2	SV đang làm NCKH	65	35
Tổng		97	53

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát.

Qua bảng 6 có thể thấy, số lượng SV hài lòng về GVHD lên tới 97/150 SV được hỏi, chiếm 64,5%, tuy nhiên số lượng SV chưa cảm thấy hài lòng về GVHD của mình cũng chiếm một tỉ lệ tương đối lớn với 35,5%. Với kết quả khảo sát về mức độ ảnh hưởng của GVHD tới động lực làm NCKH của SV, cũng như mức độ hài lòng của SV về GVHD ở trên, một lần nữa cho thấy đây là yếu tố đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định đến chất lượng đề tài NCKH của SV. Do vậy, mỗi giảng viên khi được phân công hay khi được SV tin tưởng lựa chọn cần tận tâm và nhiệt tình hơn trong việc hướng dẫn và tạo niềm say mê NCKH cho SV.

3.2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu đóng một vai trò quan trọng đối với SV khối ngành KHTN ở Trường ĐHKH hiện nay. Bởi cơ sở vật chất, trang thiết bị có đầy đủ, hiện đại mới cho kết quả nghiên cứu chính xác và độ tin cậy cao. Kết quả khảo sát 75 SV đã và đang

làm NCKH của khối ngành KHTN cho thấy, có tới 54/75 SV cho rằng đây là yếu tố quan trọng thứ ba trong việc tạo động lực làm NCKH của họ. Cụ thể, có 19/25 SV đã làm NCKH và 35/50 SV đang làm NCKH lựa chọn yếu tố này. Nhóm tác giả, cũng khảo sát 25 SV khối ngành KHTN chưa làm NCKH và kết quả cũng cho thấy, có 20/25 SV được hỏi trả lời đây cũng là một trong những yếu tố được quan tâm hàng đầu khi đưa ra quyết định làm NCKH của họ. Để thấy được mức độ hài lòng SV khối ngành KHTN về cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường phục vụ cho hoạt động NCKH, chúng tôi tiến hành phát phiếu điều tra 75 SV khối ngành KHTN đã và đang làm NCKH, thu được kết quả ở bảng 7.

Bảng 7. Mức độ hài lòng của SV nhóm ngành KHTN về cơ sở vật chất, trang thiết bị

TT	Đối tượng SV được khảo sát	Mức độ hài lòng của SV về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ NCKH		Tổng
		Hài lòng	Không hài lòng	
1	SV đã làm NCKH	11	14	25
2	SV đang làm NCKH	26	24	50
Tổng		37	38	75

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát.

Qua bảng 7, có 38 SV cảm thấy không hài lòng về cơ sở, vật chất trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu của nhà trường hiện nay, chiếm 65,3%. Điều này, chứng tỏ về cơ bản cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho NCKH của Trường mới chỉ phần nào đảm bảo cho hoạt động NCKH của SV. Do vậy, trong thời gian tới Nhà trường cần đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu một cách đồng bộ và hiện đại để SV có thêm động lực làm NCKH tạo niềm say mê và hứng thú NCKH ở SV.

3.2.4. Hệ thống thông tin, tài liệu phục vụ nghiên cứu

Hệ thống thông tin, tài liệu phục vụ nghiên cứu là yếu tố có ảnh hưởng rất lớn tới động lực làm NCKH của SV nhóm ngành KHXH ở Trường ĐHKH hiện nay. Như đã biết, hệ thống thông tin

đầy đủ và cập nhật, nguồn tài liệu phong phú sẽ góp phần tạo ra những công trình NCKH có chất lượng. Kết quả khảo sát cho thấy, có 52/75 SV khối ngành KHXH được hỏi trả lời rằng đây là yếu tố có ảnh hưởng tới động lực làm NCKH của họ sau yếu tố phần thưởng và GVHD. Điều này được thể hiện ở bảng 8.

Bảng 8. Yếu tố hệ thống thông tin, tài liệu phục vụ NCKH ảnh hưởng tới động lực NCKH của SV nhóm ngành KHXH

Đối tượng SV được khảo sát	Không ảnh hưởng	Bình thường	Ảnh hưởng nhiều
SV đã làm NCKH	3	7	15
SV đang làm NCKH	4	9	37
Tổng	7	16	52

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát.

Nhóm tác giả cũng tiến hành khảo sát về mức độ hài lòng của 75 SV đã và đang làm NCKH thuộc ngành KHXH về hệ thống thông tin, tài liệu của nhà trường hiện nay và kết quả thu được ở bảng 10.

Bảng 10. Mức độ hài lòng của SV nhóm ngành KHXH về hệ thống thông tin, tài liệu

TT	Đối tượng SV được khảo sát	Mức độ hài lòng của SV về hệ thống thông tin, tài liệu	
		Hài lòng	Không hài lòng
1	SV đã làm NCKH	10	15
2	SV đang làm NCKH	20	30
Tổng		30	45

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát.

Qua bảng 10, có thể thấy yếu tố hệ thống thông tin, tài liệu phục vụ nghiên cứu ở Trường ĐHKH hiện nay chưa khiến SV hài lòng, nhất là SV đã và đang làm NCKH thuộc nhóm ngành KHXH với 45/75 SV, chiếm 60% không hài lòng. Chúng tôi, tiếp tục với câu hỏi “Bạn thường đến đâu để lấy tài liệu để thực hiện đề tài nghiên cứu của bạn”, có 70/71 SV trả lời rằng thường đến Trung tâm Học liệu của Đại học Thái Nguyên để tìm tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, vì thư viện của Trường hiện nay rất ít hoặc không có tài liệu liên quan đến nghiên cứu của họ. Như vậy, bổ

sung nguồn tài liệu phục vụ cho hoạt động NCKH của SV cũng góp phần tạo động lực làm NCKH ở SV của Trường ĐHKH trong thời gian tới. Ngoài những yếu tố quan trọng kể trên thì những yếu tố sau cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến động lực NCKH SV trường ĐHKH.

Phong trào NCKH của SV: Phong trào NCKH của SV cũng được coi là một yếu tố tạo động lực làm NCKH ở SV. Nhóm tác giả khảo sát “phong trào NCKH” qua hình thức tổ chức sinh hoạt khoa học do lớp, bộ môn, khoa và nhà trường tổ chức. Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 102/200 SV được hỏi, chiếm 51% cho rằng phong trào NCKH của SV cũng có ảnh hưởng tích cực tới động lực NCKH của họ. Trong thời gian tới, nhà trường cần quan tâm nhiều hơn tới việc phát động nhiều hình thức sinh hoạt khoa học, từ đó sẽ giúp SV biết đến hoạt động này và tham gia.

Định hướng, động viên của giảng viên giảng dạy trên lớp: Định hướng, động viên của giảng viên giảng dạy trên lớp, giống như một chất xúc tác tác động tới niềm say mê nghiên cứu của SV. Do đó, đây cũng là một yếu tố góp phần tạo nên động lực làm NCKH ở SV. Khi được hỏi việc “Định hướng, động viên của giảng viên giảng dạy trên lớp” có tạo động lực làm NCKH không? Kết quả có tới 92/200 SV được hỏi trả lời có “Ảnh hưởng nhiều” động lực làm NCKH họ.

Thành tích học tập: Qua điều tra khảo sát, thành tích học tập cũng ảnh hưởng tới động lực NCKH SV. Theo quy định những SV có điểm học lực từ 2,5 trở lên mới đủ điều kiện đăng ký đề tài nghiên cứu. Như vậy, những SV từ 2,4 trở xuống không được đăng ký làm NCKH dù có muốn nghiên cứu đi chăng nữa, điều này làm hạn chế đi động lực NCKH SV.

3.3. Một số khuyến nghị góp phần tạo động lực NCKH cho SV Trường ĐHKH trong thời gian tới

3.3.1. Nhà trường

Thứ nhất, tăng thêm hỗ trợ kinh phí NCKH cho SV: Kết quả điều tra cho thấy, có tới 26,6% tỉ lệ SV cảm thấy không hài lòng và 33,3% tỉ lệ SV cảm thấy bình thường đối với mức kinh phí hỗ trợ hiện nay. Chúng tôi, thiết nghĩ tăng thêm kinh phí

NCKH cho SV sẽ góp phần làm giảm được tỉ lệ SV không hài lòng, một khi SV cảm thấy hài lòng về mức kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH thì họ sẽ có thêm động lực để làm nghiên cứu. Cùng với đề xuất tăng kinh phí, chúng tôi cũng đề xuất hình thức hỗ trợ sao cho hiệu quả đó là nhà trường nên hỗ trợ thành hai đợt. Đợt 1 ngay khi SV nhận Quyết định tên đề tài chính thức; đợt 2 hỗ trợ ngay sau khi SV nghiệm thu đề tài và được xếp loại giỏi trở lên, nhằm khuyến khích động lực, đồng thời công nhận công sức của SV đã bỏ ra đối với bài nghiên cứu. Cùng với việc tăng mức hỗ trợ kinh phí, Nhà trường cũng nên phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm nhằm tuyên truyền, phổ biến về mức hỗ trợ kinh phí này cho SV được biết, từ đó sẽ góp phần làm gia tăng động lực NCKH SV trong trường.

Thứ hai, cần tăng tiền thưởng cho các đề tài đạt giải và có chất lượng: Đề động viên, khuyến khích nhằm tạo động lực cho những SV chưa có đề tài đạt giải cần tập trung nhiều hơn chất lượng của đề tài, nhà trường cần tăng mức hỗ trợ tiền thưởng cho những đề tài đạt giải, mức tăng này sẽ phụ thuộc vào nguồn tài chính của nhà trường để đưa ra. Bên cạnh việc tăng mức tiền thưởng cho những SV có đề tài đạt giải ở các cuộc thi Tài năng khoa học trẻ Việt Nam hay của tỉnh Thái Nguyên, thi ở cấp Khoa hay Bộ môn cũng nên có một khoản tiền thưởng cho những SV có kết quả nghiên cứu được xếp loại xuất sắc và giỏi. Có thể mức tiền thưởng không nhiều nhưng nó giúp SV cảm thấy kết quả của sự cố gắng được ghi nhận và đền đáp xứng đáng. Mức tiền thưởng cho những SV đạt kết quả xếp loại từ giỏi, xuất sắc có thể tùy thuộc vào quỹ tài chính của Khoa và Bộ môn. Nhóm tác giả mạnh dạn đề xuất số tiền thưởng này là 50.000đ/SV có đề tài được đạt xếp loại giỏi và 100.000đ/SV có đề tài được đạt xếp loại xuất sắc. Việc làm này vừa để kích thích động lực NCKH ở SV vừa nâng cao được chất lượng đề tài NCKH của SV.

Thứ ba, công bố rộng rãi kết quả NCKH của SV: Cùng với việc tăng mức tiền hỗ trợ và tiền thưởng cho SV có đề tài NCKH đạt giải và những SV có đề tài nghiệm thu được xếp loại từ giỏi đến xuất sắc thì việc công bố rộng rãi các kết

quả NCKH của SV trên các tạp chí khoa học các cấp, ở hội nghị, hội thảo hay tại các buổi seminar khoa học được tổ chức ở cấp lớp, cấp Bộ môn hay cấp Khoa... cũng góp phần không nhỏ trong việc tạo động lực cho SV làm NCKH. SV sẽ cảm thấy tự hào, được tôn trọng, được công nhận về sự cố gắng trong suốt quá trình nghiên cứu. Để kết quả NCKH của SV được công bố trên các tạp chí khoa học, GVHD cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong việc giúp SV tóm tắt kết quả nghiên cứu thành bài báo khoa học và gửi đến các tạp chí khoa học hoặc hội thảo, hội nghị khoa học được tổ chức ở cấp Khoa, cấp Trường. Ngoài ra, cũng nên tổ chức triển lãm các đề tài SV NCKH đạt giải trong cuộc thi Tài năng khoa học trẻ các cấp cũng góp phần công bố rộng rãi thành tích NCKH của những SV có đề tài đạt giải cao. Qua việc vinh danh này, những SV đạt thành tích sẽ cảm thấy mình được ghi nhận, tôn trọng và tạo động lực để thực hiện những đề tài NCKH tiếp theo. Còn những SV không làm NCKH sẽ tự nhìn lại bản thân, xem xét lại mình đã làm được gì trong khi những bạn khác đang được mọi người ngưỡng mộ, tôn trọng.

Thứ tư, cần tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động NCKH: Mặc dù hiện nay cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường cũng đã được đầu tư nhưng nhìn chung, cơ sở vật chất của Trường vẫn còn thiếu, chưa hiện đại và còn thiếu đồng bộ. Hoạt động nghiên cứu của SV sẽ không thể có chất lượng tốt nếu không có một hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu nghiên cứu ở mức độ nhất định. Nhà trường cần tập trung đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, phòng thí nghiệm, đặc biệt nên bổ sung nguồn tài liệu tại thư viện của trường, lắp đặt phổ biến mạng Internet... nhằm phục vụ cho các hoạt động NCKH của cả SV và giảng viên trong trường. Có như vậy, mới tạo điều kiện thuận lợi để SV tiến hành nghiên cứu và kết quả nghiên cứu có độ chính xác và tin cậy cao.

Thứ năm, bổ sung thêm nguồn tài liệu phục vụ cho hoạt động NCKH: Khi tham gia nghiên cứu thì việc tìm kiếm tài liệu phục vụ cho công việc nghiên cứu là bước vô cùng quan trọng.

Có tìm đúng và đủ tài liệu hay không quyết định rất nhiều đến chất lượng bài nghiên cứu. Hiện nay, Trường ĐHKH cũng đã có hệ thống thư viện, tuy nhiên, hệ thống thư viện vẫn còn rất hạn chế về số lượng cũng như đầu sách giáo trình, sách tham khảo, tạp chí khoa học... Nếu dễ dàng tiếp cận, tìm kiếm được tài liệu thì SV có thể dễ dàng hơn trong việc làm NCKH, từ đó làm tăng động lực để SV thực hiện nghiên cứu. Mức độ hài lòng của SV về hệ thống thư viện của trường được đánh giá là không cao. Do vậy, để tạo điều kiện cho SV làm NCKH, từ đó tạo động lực thúc đẩy SV làm NCKH, nhà trường cần bổ sung thêm giáo trình, sách tham khảo, các tạp chí khoa học xã hội, khoa học tự nhiên trong nước và cả nước ngoài...

Thứ sáu, tổ chức những buổi hướng dẫn kỹ năng làm NCKH cho SV: Một thực tế hiện nay cho thấy, SV rất yếu về kỹ năng NCKH, mặc dù đã được trang bị về phương pháp luận NCKH thông qua môn học Phương pháp luận NCKH với 2 tín chỉ. Tuy nhiên, SV chỉ mới bước đầu được trang bị về mặt phương pháp luận nghiên cứu mà kỹ năng tiến hành nghiên cứu còn rất yếu, do đó khi tiến hành làm NCKH SV gặp rất nhiều khó khăn và cảm thấy không tự tin khi làm NCKH, đây là một trong những lý do chính khiến SV không đăng ký làm NCKH. Nhóm tác giả cũng đã khảo sát về mức độ cần thiết phải trang bị những kỹ năng nghiên cứu cho SV qua câu hỏi “Theo bạn, có nên có những buổi hướng dẫn kỹ năng làm NCKH?”, kết quả thu được có 176/200 SV trả lời “Có”. Như vậy, hướng dẫn kỹ năng NCKH cho SV là việc cần thiết hiện nay nếu muốn thúc đẩy hoạt động NCKH của SV ở Trường ĐHKH trong thời gian tới. Nhà trường nên có những buổi hướng dẫn kỹ năng làm NCKH cho SV, cử những giảng viên có chuyên môn cao, chủ trì nhiều đề tài NCKH các cấp đạt giải để chia sẻ với SV về kinh nghiệm nghiên cứu, cách thức phát hiện vấn đề nghiên cứu, cách thức triển khai đề tài nghiên cứu, cách thức thu thập số liệu, xử lý số liệu... Qua những buổi hướng dẫn này, SV về cơ bản đã được trang bị những kỹ năng cần thiết phục vụ cho việc làm NCKH của mình.

3.3.2. Giảng viên hướng dẫn

Thứ nhất, cần nhiệt tình giúp đỡ SV: Sự nhiệt tình, tận tâm giúp đỡ SV trong hoạt động NCKH của GVHD là yếu tố kích thích động lực SV NCKH rất lớn. Sự giúp đỡ nhiệt tình ấy thể hiện qua nhiều hành động cụ thể như: Giúp SV định hướng triển khai đề tài, cung cấp một số tài liệu cơ bản ban đầu, phản hồi nhanh nhất có thể lại những thắc mắc của SV... Riêng vấn đề tìm tài liệu, nếu GVHD không thể cung cấp được tài liệu thì có thể gợi ý tên tài liệu, địa chỉ tìm tài liệu hay những thông tin liên quan đến tài liệu để SV thuận tiện hơn trong việc tìm kiếm.

Thứ hai, giảng viên nên quan tâm đến tình trạng của SV mình hướng dẫn: Ngoài việc giúp đỡ nhiệt tình, GVHD cần sát sao, quan tâm hơn đến tình trạng SV của mình hướng dẫn. Vẫn biết GVHD rất bận rộn với nhiều công việc, từ việc của trường lớp đến việc cá nhân, gia đình... Tuy nhiên, GVHD cần quan tâm và chủ động kiểm tra tiến độ và tình hình làm việc của SV. GVHD cần có một kế hoạch cụ thể với SV về những cuộc trao đổi mang tính ấn định, ví dụ như hàng tuần, hàng tháng hay ấn định vấn đề này sẽ giải quyết gói gọn trong bao nhiêu ngày.

3.3.3. Đối với SV

Thứ nhất, SV cần tìm hiểu trước khi đăng ký đề tài (đề tài có phù hợp khả năng, đề tài mang tính thực tiễn...). Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc SV bỏ dở công trình nghiên cứu. Nguyên nhân chủ yếu là do SV gặp nhiều khó khăn trong quá trình nghiên cứu và nguyên do sâu xa của việc này là do SV chưa tìm hiểu kỹ đề tài đăng ký nên khi tiến hành nghiên cứu gặp nhiều khó khăn, nản chí dẫn tới việc bỏ dở đề tài. Để khắc phục tình trạng trên, SV đăng ký làm đề tài cần tìm hiểu kỹ đề tài đó trước khi đăng ký. Xem xét kỹ lưỡng xem đề tài có phù hợp với năng lực bản thân, điều kiện tài chính cũng như giá trị đề tài mang lại có phù hợp với thực tiễn hay không, tránh việc gặp khó khăn trong quá trình triển khai đề tài hay bỏ dở đề tài nghiên cứu. Hạn chế được việc SV bỏ dở đề tài là đồng thời với việc giảm thiểu tối đa những đề tài không đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV ở Nhà trường.

Thứ hai, SV nên mạnh dạn trao đổi với GVHD (trong việc chọn đề tài, cách thức nghiên cứu, ...). Qua điều tra khảo sát và phỏng vấn sâu còn một số SV rụt rè, nhút nhát, ngại trao đổi với GVHD, vì vậy SV nên chủ động gặp, trao đổi với GVHD về những vấn đề đang gặp phải để nhận được sự giúp đỡ kịp thời, định hướng đúng đắn trong hoạt động NCKH, tránh tình trạng mất phương hướng, mất thời gian, công sức và cả tiền bạc.

Thứ ba, SV phải chủ động sắp xếp thời gian để tham gia NCKH hiệu quả. Bản thân SV cần cân nhắc và xem xét kỹ, sắp xếp các hoạt động sao cho khoa học, hợp lý, đảm bảo tiến độ, chất lượng của đề tài nghiên cứu. Để làm được như vậy, SV nên có kế hoạch cụ thể cho hoạt động NCKH như lịch trình, thời gian hoàn thành các chương, các nội dung, lịch gặp mặt trao đổi với GVHD về tiến độ cũng như tình trạng nghiên cứu, giải đáp những vấn đề khúc mắc, tìm tài liệu...

4. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu, có thể thấy các yếu tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của SV Trường ĐHKH gồm: phần thưởng, GVHD, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, hệ thống thông tin, tài liệu phục vụ nghiên cứu... và các yếu tố khác như phong trào NCKH, thành tích học tập... Các yếu tố này có ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau đến động lực NCKH của SV. Trong số những yếu tố trên, yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp tới động lực NCKH SV Trường ĐHKH là yếu tố phần thưởng. Vì vậy, Trường ĐHKH cần quan tâm và tập trung vào thực hiện những biện pháp liên quan tới yếu tố này như tăng kinh phí hỗ trợ cho SV làm NCKH, tăng tiền thưởng cho các đề tài đạt giải, công bố rộng rãi thành tích của SV có đề tài đạt giải. Ngoài ra, cũng cần chú trọng hơn nữa đối với các yếu tố như cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống thông tin và tài liệu của nhà trường để thúc đẩy động lực làm NCKH cho SV. Việc nghiên cứu cụ thể về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của SV Trường ĐHKH là vô cùng quan trọng vì sẽ giúp Nhà trường có cách tác động tốt nhất để tạo ra động lực góp phần làm tăng số lượng SV tham gia NCKH trong thời gian tới cũng như nâng cao chất lượng các đề tài NCKH của SV.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thái Ngọc Hà (2012), *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hoạt động NCKH SV Trường Đại học An Giang*, Đề tài NCKH, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học An Giang.
- [2]. Phan Văn Hoàng (2015), *Nghiên cứu các yếu tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên tại các ngân hàng TMCP khu vực thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3]. Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Mai Phương, Nguyễn Tiến Hà, Bùi Văn Chuyên (2013), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới động lực NCKH SV Đại học Kinh tế Quốc dân*, Đề tài NCKH, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [4]. Hoàng Phê (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Bùi Anh Tuấn (2009), *Giáo trình Hành vi tổ chức*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [6]. Trường ĐHKH (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH giai đoạn 2013 - 2015*.
- [7]. Nguyễn Khắc Viện (1994), *Từ điển Xã hội học*, NXB Thế giới, Hà Nội.

FACTORS AFFECTING STUDENTS' RESEARCH MOTIVATION AT THE UNIVERSITY OF SCIENCE - THAI NGUYEN UNIVERSITY**Summary**

The article focuses on clarifying the impact of such factors as reward; supervisor; facilities; information system, documents and other factors like the research movement; orientation, lecturers' encouragement in classroom; academic achievement on students' research motivation at the University of Science, Thai Nguyen University. Thereby, some recommendations are proposed to contribute to motivating scientific research among students in the future.

Keywords: research motivation, scientific research, student.

Ngày nhận bài: 16/9/2016; Ngày nhận lại: 20/3/2017; Ngày duyệt đăng: 10/4/2017.